

## BẢN TIN

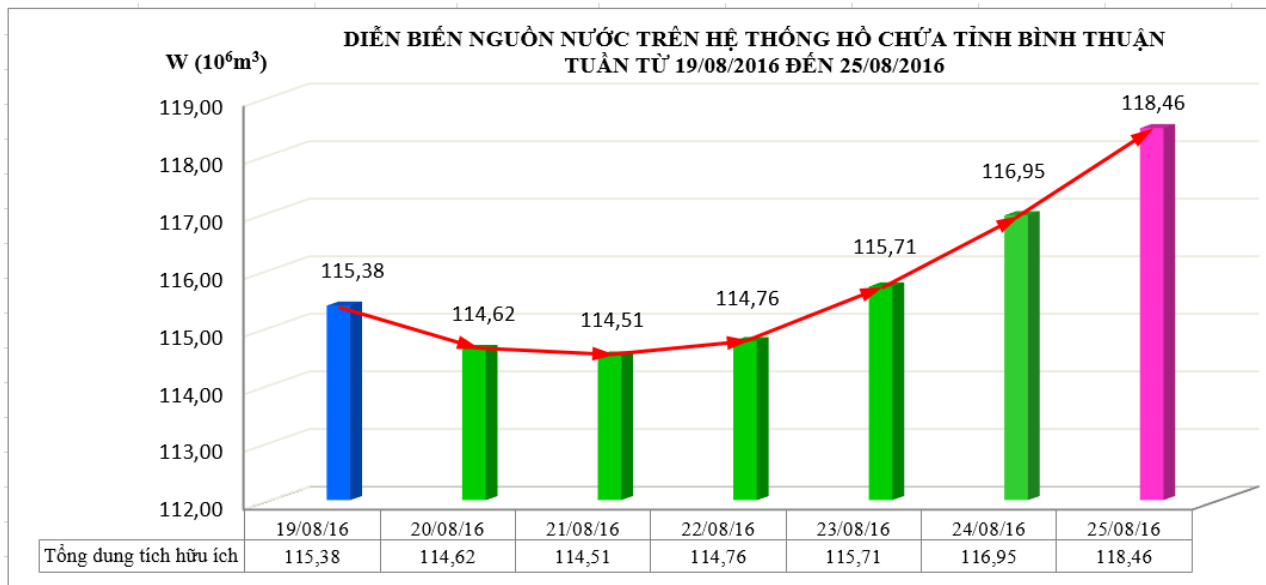
### DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN LƯU VỰC SÔNG LỮY - LA NGÀ TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2016

*(Tuần từ 26/08/2016 đến 01/09/2016)*

#### 1. KIỂM KÊ THỰC TRẠNG NGUỒN NƯỚC TRÊN HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH BÌNH THUẬN

##### 1.1. Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập từ ngày 19/08 – 25/08/2016

Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi tỉnh Bình Thuận từ ngày 19/08/2016 đến 25/08/2016 được trình bày tại Hình 1, vì lượng mưa tăng vào những ngày cuối tuần nên dung tích các hồ/đập có xu hướng tăng so với đầu tuần, lượng tăng bình quân là 0,51 triệu m<sup>3</sup>/ngày, tổng lượng tăng là 3,08 triệu m<sup>3</sup>.



Hình 1: Diễn biến nguồn nước trong các hồ, đập tỉnh Bình Thuận từ 19/08-25/08/2016

##### 1.2. Kiểm kê thực trạng nguồn nước trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 25/08/2016.

###### 1.2.1. Nguồn nước trong các hồ, đập thủy lợi.

Tính đến ngày 25/08/2016 tổng dung tích của 16 hồ, đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận là 118,46 triệu m<sup>3</sup>, đạt 54,7 % so với tổng dung tích hữu ích thiết kế. Còn 1 hồ tích nước còn ít (ít hơn 30% dung tích hữu ích thiết kế): hồ Đá Bạc (12,27%).

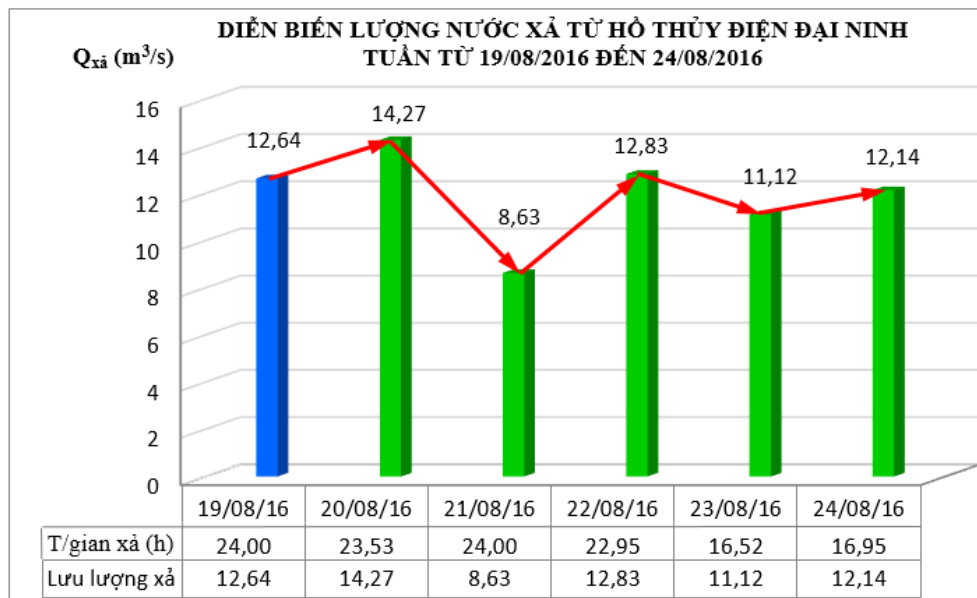
Bảng 1: Tổng hợp dung tích các hồ, đập tỉnh Bình Thuận tính đến ngày 25/08/2016

STT	Tên các Hồ chứa	DUNG TÍCH ( $10^6 \text{ m}^3$ )						Tỷ lệ dung tích hữu ích hiện tại so với thiết kế
		Hiện tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích thiết kế	Hữu ích hiện tại	
1	Đá Bạc	0,941	4,87	9,718	0,392	4,478	▼ 0,549	12,27%
2	Lòng Sông	26,699	37,16	40,271	3,464	33,696	▲ 23,235	68,96%
3	Cà Giấy	26,831	36,921	63,209	8,409	28,512	▼ 18,422	64,61%
4	Sông Khán	0,878	2,014	2,52	0,261	1,753	▼ 0,617	35,17%
5	Sông Quao	40,580	73	80	5,7	67,3	▼ 34,880	51,83%
6	Suối Đá	3,953	9,131	12,786	1,273	7,858	▼ 2,680	34,11%
7	Cầm Hang	0,783	1,18	1,215	0,013	1,167	▲ 0,770	65,94%
8	Sông Móng	15,612	37,156	51,515	2,985	34,171	▲ 12,627	36,95%
9	Ba Bàu	3,704	6,938	11,403	0,964	5,974	▼ 2,740	45,87%
10	Đu Đủ	1,657	3,664	5,217	0,297	3,367	▲ 1,360	40,40%
11	Tần Lập	1,111	1,07	1,52	0,07	1	■ 1,041	104,05%
12	Tà Mon	0,412	0,657	0,72	0,05	0,607	▲ 0,362	59,64%
13	Núi Đất	6,707	8,466	9,648	0,566	7,9	▲ 6,141	77,73%
14	Trà Tân	4,185	3,888	8,333	0,403	3,485	■ 3,782	108,53%
15	Sông Phan	2,366	3,022	3,579	0,172	2,85	▲ 2,194	76,98%
16	Phan Dũng	8,293	13,674	18,925	1,233	12,441	▲ 7,060	56,75%
<b>Tổng Cộng</b>		<b>144,713</b>	<b>242,811</b>	<b>320,579</b>	<b>26,252</b>	<b>216,559</b>	<b>118,461</b>	<b>54,70%</b>

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Thể hiện dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với đầu tuần (ngày 19/08/2016)

### 1.2.2. Nguồn nước thủy điện

Đến ngày 25/08/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Đại Ninh là 20,13 triệu  $\text{m}^3$ /251,7 triệu  $\text{m}^3$ , đạt 8 % so với dung tích hữu ích thiết kế, giảm 1,2 triệu  $\text{m}^3$  so với đầu tuần (ngày 19/08/2016).



Hình 2: Diễn biến lượng nước xả từ hồ Thủy điện Đại Ninh từ ngày 19/08/2016 đến 24/08/2016

Tính đến ngày 25/08/2016, dung tích hữu ích của hồ thủy điện Hàm Thuận là 146,22 triệu  $\text{m}^3$ / 522,5 triệu  $\text{m}^3$ , đạt 28 % so với dung tích hữu ích thiết kế, tăng 37,1 triệu  $\text{m}^3$  so với đầu tuần (ngày 19/08/2016).

Bảng 2: Dung tích hồ chứa thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận tính đến ngày 25/08/2016

Stt	Tên Các Hồ Chứa	DUNG TÍCH (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )						Tỷ lệ dung tích tích hiện tại
		Hiện Tại	Bình thường	Gia cường	Chết	Hữu ích Thiết kế	Hữu ích Hiện tại	
1	<u>Đại Ninh</u>	88,179	319,770	549,820	68,040	251,730	<b>20,139</b>	<b>8,00%</b>
2	<u>Hàm Thuận</u>	318,954	695,230	976,650	172,730	522,500	<b>146,224</b>	<b>27,99%</b>
<b>Tổng Cộng</b>		<b>407,133</b>	<b>1.015,000</b>	<b>1,526,470</b>	<b>240,770</b>	<b>774,230</b>	<b>166,363</b>	<b>21,49%</b>

## 2. DỰ BÁO TÌNH HÌNH MƯA VÀ NGUỒN NƯỚC

### 2.1. Tài liệu dự báo

Tài liệu mưa ngày, khí tượng, thủy văn của các trạm chính trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân, Cà Ná) từ năm 1978-2015.

Tài liệu dự báo mưa, bốc hơi tại trạm Sông Lũy, Tà Pao, Phan Thiết, Hàm Tân.

Tài liệu diện tích sản xuất thực tế và kế hoạch sản xuất của tỉnh Bình Thuận năm 2016. Lịch thời vụ các loại cây trồng.

Quy trình vận hành và quan hệ đặc tính lòng hồ F~Z~W của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận và các hồ thủy điện Đại Ninh, Hàm Thuận – Đa Mi.

Lượng xả dự kiến của các hồ thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi.

### 2.2. Công cụ dự báo

Trong dự báo này sử dụng 2 mô hình chính là : mô hình thủy văn MIKE NAM và mô hình cân bằng nước MIKE BASIN đã được hiệu chỉnh và kiểm định.

- Sử dụng mô hình NAM để tính toán dòng chảy mặt trên các lưu vực sông.
- Sử dụng mô hình MIKE BASIN để tính toán khả năng nguồn nước các lưu vực sông tỉnh Bình Thuận theo không gian và thời gian.

### 2.3. Dự báo tình hình khí tượng, thủy văn khu vực tỉnh Bình Thuận

Dự báo KTTV tháng 08/2016	Dự báo KTTV tuần 4 tháng 08/2016
<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo lượng mưa tháng 8/2016 đạt xấp xỉ TBNN và có nơi dưới TBNN - CTK. Cụ thể các khu vực như sau: Đức Linh, Tánh Linh và vùng núi Hàm Thuận Bắc (Đông Giang) phổ biến: 350-450mm, với 18-20 ngày mưa. Khu vực trung tâm và ven biển phía nam: 150 -</p>	<p>a. <u>Khí tượng:</u></p> <p>- Dự báo lượng mưa phổ biến đạt xấp xỉ TBNN, cụ thể: Khu vực phía Bắc tỉnh: 30 - 50mm; với 3 - 5 ngày mưa. Khu vực trung tâm và phía Nam: 40 - 60mm, có nơi 60 – 80mm; với 5 - 7 ngày mưa. Khu vực vùng núi phía Tây và Tây Nam: 80 -</p>

250mm, với 15 - 17 ngày mưa. Khu vực phía bắc: 75 - 100mm có nơi 100 - 120mm, với 12 - 14 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 120 - 140mm.

**b. Thủy văn:**

Mức nước tại trạm Tà Pao và sông Lũy tại trạm Sông Lũy ít thay đổi. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

+ Tà Pao: Htb = 117,00m; Hmax = 119,50m; Hmin = 115,60m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,80m; Hmax = 26,00m; Hmin = 23,20m.

120mm, có nơi 120 – 150mm; với 7 - 9 ngày mưa.

- Tổng lượng bốc hơi: 35 - 45mm.

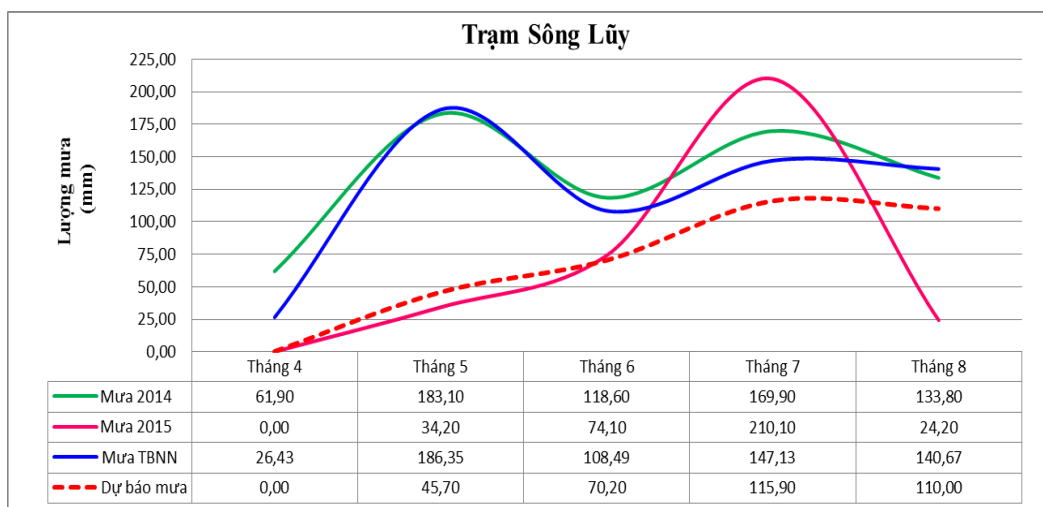
**b. Thủy văn:**

Mức nước tại trạm Tà Pao dao động trong khoảng trên dưới cấp ĐBI và tại trạm Sông Lũy ít thay đổi đến dao động nhỏ và có khả năng xảy ra lũ nhỏ. Đạt giá trị thấp hơn TBNN.

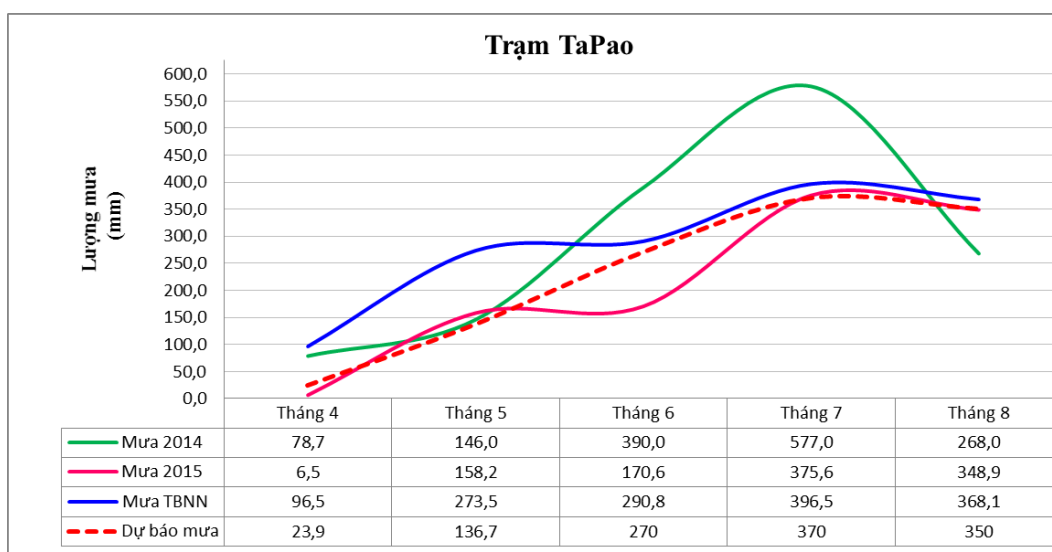
+ Tà Pao: Htb=117,25m; Hmax = 119,50m; Hmin = 116,00m.

+ Sông Lũy: Htb = 23,40m; Hmax = 25,00m; Hmin = 23,10m

(Nguồn: Đài KTTV tỉnh Bình Thuận)



Hình 3: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa tháng 8 tại trạm Sông Lũy



Hình 4: Lượng mưa trung bình tháng trong quá khứ và dự báo mưa tháng 8 tại trạm Tà Pao

## 2.4. Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập thủy lợi vụ Hè Thu năm 2016 tỉnh Bình Thuận.

Bảng 3: Kết quả dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập vụ Hè Thu (tháng 8) năm 2016 tỉnh Bình Thuận

TT	LV Sông/ Hồ	Dự báo khả năng dòng chảy đến các hồ, đập tháng 8/2016 ( $10^6 \text{ m}^3$ )
1	Hồ Đá Bạc	0,05
2	Hồ Phan Dũng	3,48
3	Hồ Lòng Sông	6,16
4	Đập Sông Lũy	50,96
5	Hồ Cà Giấy	3,69
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn,..	19,5
7	Hồ Sông Quao	46,82
8	Hồ Suối Đá	2,2
9	Hồ Sông Khán	1,5
10	Hồ Cà Giang	0,32
11	Hồ Cẩm Hàng	0,88
12	Hồ Sông Móng	7,21
13	Đập Ba Bàu	13,93
14	Hồ Đu Đủ	0,83
15	Đập Sông Phan	14,73
16	Hồ Tân Lập	1,37
17	Hồ Tà Mon	3,62
18	Hồ Núi Đất	3,62
19	Hồ Sông Dinh	84,29
20	Đập Cô Kiều	2,89
21	Sông La Ngà (tới đập Tà Pao)	260,39
22	Hồ Trà Tân	5,76
<b>Tổng cộng</b>		<b>534,2</b>

Dự kiến lượng nước xả tháng 8 (vào những năm ít nước) của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

Bảng 4: Dự kiến lượng nước xả của thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi

Thủy Điện		Tháng 8	Tổng ( $10^6 \text{ m}^3$ )
Đại Ninh	Lưu lượng $Q_{bq}$ ngày ( $\text{m}^3/\text{s}$ )	11	8,6
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	7	
Hàm Thuận-Đa Mi	Lưu lượng $Q_{bq}$ ngày ( $\text{m}^3/\text{s}$ )	36,2	48,5
	Thời gian CM tối thiểu (giờ)	12	

## 3. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

Kết quả tính toán nhu cầu nước vụ Hè Thu 2016 (tháng 8) được trình bày tại Bảng 5, kết quả cho thấy: Tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2016 (tháng

8) là 121,7 triệu m<sup>3</sup>.

Bảng 5: Bảng tổng hợp nhu cầu nước tại đầu mối các công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận theo kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu (tháng 8) năm 2016

Đơn vị: Triệu m<sup>3</sup>

TT	LV Sông/ Hồ	Vụ Hè Thu 2016				
		Kế hoạch diện tích sản xuất vụ Hè Thu (ha)				Nhu cầu nước tháng 8/2016 (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
		Lúa	Màu (Ngô, Đậu, Lạc, Mè)	Cây CN, Nho, Thanh Long	Thủy sản	
<b>Tổng cộng</b>		<b>37503</b>	<b>24573</b>	<b>14761,4</b>	<b>647,5</b>	<b>121,70</b>
1	Hồ Đá Bạc	84		54	-	0,29
2	Hồ Phan Dũng	38		108	-	0,35
3	Hồ Lòng Sông	947		195	79,2	3,41
4	Đập Sông Lũy	7822	9877	294	-	40,29
5	Hồ Cà Giây	1729	2183	396	-	4,45
6	Đập Đồng Mới, Đồng Măng, Tú Sơn...	1259	1590	276	-	7,74
7	Hồ Sông Quao	6551	2918	6622,81	-	19,50
8	Hồ Suối Đá	246	112	470	-	0,44
9	Hồ Sông Khán	77	32	34	-	0,22
10	Hồ Sông Móng			178	-	-
11	Đập Ba Bàu	460		3640	-	0,87
12	Hồ Đu Đủ	61		987,67	-	0,10
13	Đập Sông Phan	1		604,8	-	0,07
14	Hồ Tân Lập			473,76	-	-
15	Hồ Tà Mon			137,4	-	-
16	Hồ Núi Đất	312		226	-	0,81
17	Hồ Sông Dinh	660		64	-	2,22
18	Đập Cô Kiều	40		-	-	0,12
19	Sông La Ngà (tới Đập Tà Pao)	17115	7861	-	568,3	40,79
20	Hồ Trà Tân	101		-	-	0,05

#### 4. DỰ BÁO KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC PHỤC VỤ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VỤ HÈ THU 2016.

##### 4.1. Dự báo nguồn nước trong các hồ/đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận tuần từ 26/8/2016 đến 01/09/2016

Dự báo nguồn nước trong hệ thống các hồ đập trên địa bàn tỉnh Bình Thuận đến ngày 01/09/2016 được trình bày tại Bảng 6, kết quả cho thấy: Dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh có xu hướng tăng, tổng dung tích tăng khoảng 120,22 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 55,51% so với dung tích thiết kế), tăng 1,76 triệu m<sup>3</sup> so với thời điểm hiện tại (ngày 25/8/2016).

Bảng 6: Kết quả dự báo nguồn nước trong các hồ/đập công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận đến ngày 01/09/2016

TT	Hồ chứa	Cao trình mực nước bình thường (m)	Dung tích hữu ích thiết kế ( $10^6 m^3$ )	Nguồn nước hiện tại -25/8/2016			Dự kiến nguồn nước đến 01/9/2016		
				Cao trình mực nước hiện tại (m)	Dung tích hữu ích ( $10^6 m^3$ )	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến ngày 25/8/2016 so với thiết kế	Cao trình mực nước (m)	Dung tích hữu ích ( $10^6 m^3$ )	Tỷ lệ dung tích hữu ích đến 01/9/2016 so với thiết kế
1	Hồ Đá Bạc	31,01	4,478	26,65	0,549	12,27%	26,44	▼ 0,462	10,32%
2	Hồ Lòng Sông	76,95	33,696	72,13	23,235	68,96%	72,80	▲ 24,581	72,95%
3	Hồ Cà Giây	74,7	28,512	72,63	18,422	64,61%	72,34	▼ 17,009	59,65%
4	Hồ Sông Khán	106,95	1,753	104,03	0,617	35,17%	103,84	▼ 0,567	32,34%
5	Hồ Sông Quao	89	67,3	82,90	34,880	51,83%	82,86	▼ 34,708	51,57%
6	Hồ Suối Đá	47	7,858	44,99	2,680	34,11%	44,96	▼ 2,632	33,49%
7	Hồ Cẩm Hàng	25	1,167	24,25	0,770	65,94%	24,42	▲ 0,860	73,66%
8	Hồ Sông Móng	75,8	34,171	70,79	12,627	36,95%	71,18	▲ 13,938	40,79%
9	Đập Ba Bàu	42	5,974	40,72	2,740	45,87%	40,35	▼ 2,056	34,42%
10	Hồ Đu Đủ	61	3,367	58,80	1,360	40,40%	58,93	▲ 1,450	43,08%
11	Hồ Tân Lập	44	1	44,09	1,041	104,05%	44,09	■ 1,041	104,05%
12	Hồ Tà Mon	46,5	0,607	45,20	0,362	59,64%	45,25	▲ 0,371	61,17%
13	Hồ Núi Đất	23,5	7,9	22,62	6,141	77,73%	22,94	▲ 6,728	85,16%
14	Hồ Trà Tân	95	3,485	95,10	3,782	108,53%	95,10	■ 3,782	108,53%
15	Đập Sông Phan	70	2,85	68,50	2,194	76,98%	68,80	▲ 2,310	81,05%
16	Hồ Phan Dũng	206,4	12,441	203,68	7,060	56,75%	204,08	▲ 7,728	62,12%
	<b>Tổng</b>		<b>216,559</b>		<b>118,46</b>	<b>54,70%</b>		<b>120,22</b>	<b>55,51%</b>

Ghi chú: ▲ ▼ ■ Dung tích hồ tăng, giảm, giữ nguyên so với hiện tại

#### 4.2. Dự báo khả năng cấp nước vụ Hè Thu 2016

Với kế hoạch sản xuất và dự báo nguồn nước vụ Hè Thu đã tính ở trên, dự báo tuần từ 26/8 - 1/9/2016 sẽ có:

- + Vẫn còn 1/20 hồ/đập trên địa bàn tỉnh nguồn nước hơi ít để bố trí diện tích tưới là: Hồ Đá Bạc (đáp ứng 85,04% nhu cầu nước nông nghiệp).
- + 19/20 hồ/đập có khả năng đảm bảo cấp nước cho vụ Hè Thu bao gồm : Đập Sông Lũy, hồ Cà Giây, Hệ thống đập Đồng Mới..., hồ Sông Quao, hồ Suối Đá, hồ Sông Khán, hồ Sông Móng, đập Ba Bàu, hồ Đu Đủ, đập Sông Phan, hồ Tân Lập, hồ Tà Mon, hồ Sông Dinh, đập Cô kiều, Sông La Ngà (tới đập Tà Pao), hồ Trà Tân, hồ Phan Dũng, hồ Lòng Sông, hồ Núi Đất.

Kết quả dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu nước của các hồ chứa vụ Hè Thu 2016 được tổng hợp trong Bảng 7.

Bảng 7: Bảng tổng hợp dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu tỉnh Bình Thuận năm 2016

TT	LV Hồ, Đập	Dự báo khả năng cấp nước tháng 8	
		Lượng nước thiếu (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )	Tỷ lệ đáp ứng
1	Hồ Đá Bạc	0,044	<b>85,04%</b>
2	Hồ Phan Dũng	0	100,00%
3	Hồ Lòng Sông	0	100,00%
4	Đập Sông Lũy	0	100,00%
5	Hồ Cà Giây	0	100,00%
6	Đập Đồng Mới, Tú Sơn...	0	100,00%
7	Hồ Sông Quao	0	100,00%
8	Hồ Suối Đá	0	100,00%
9	Hồ Sông Khán	0	100,00%
10	Hồ Sông Móng	0	100,00%
11	Đập Ba Bàu	0	100,00%
12	Hồ Đu Đủ	0	100,00%
13	Đập Sông Phan	0	100,00%
14	Hồ Tân Lập	0	100,00%
15	Hồ Tà Mon	0	100,00%
16	Hồ Núi Đất	0	100,00%
17	Hồ Sông Dinh	0	100,00%
18	Đập Cô Kiều	0	100,00%
19	Sông La Ngà(Tới Đập Tà Pao)	0	100,00%
20	Hồ Trà Tân	0	100,00%
<b>Tổng</b>		<b>0,044</b>	

**Kiến nghị:**

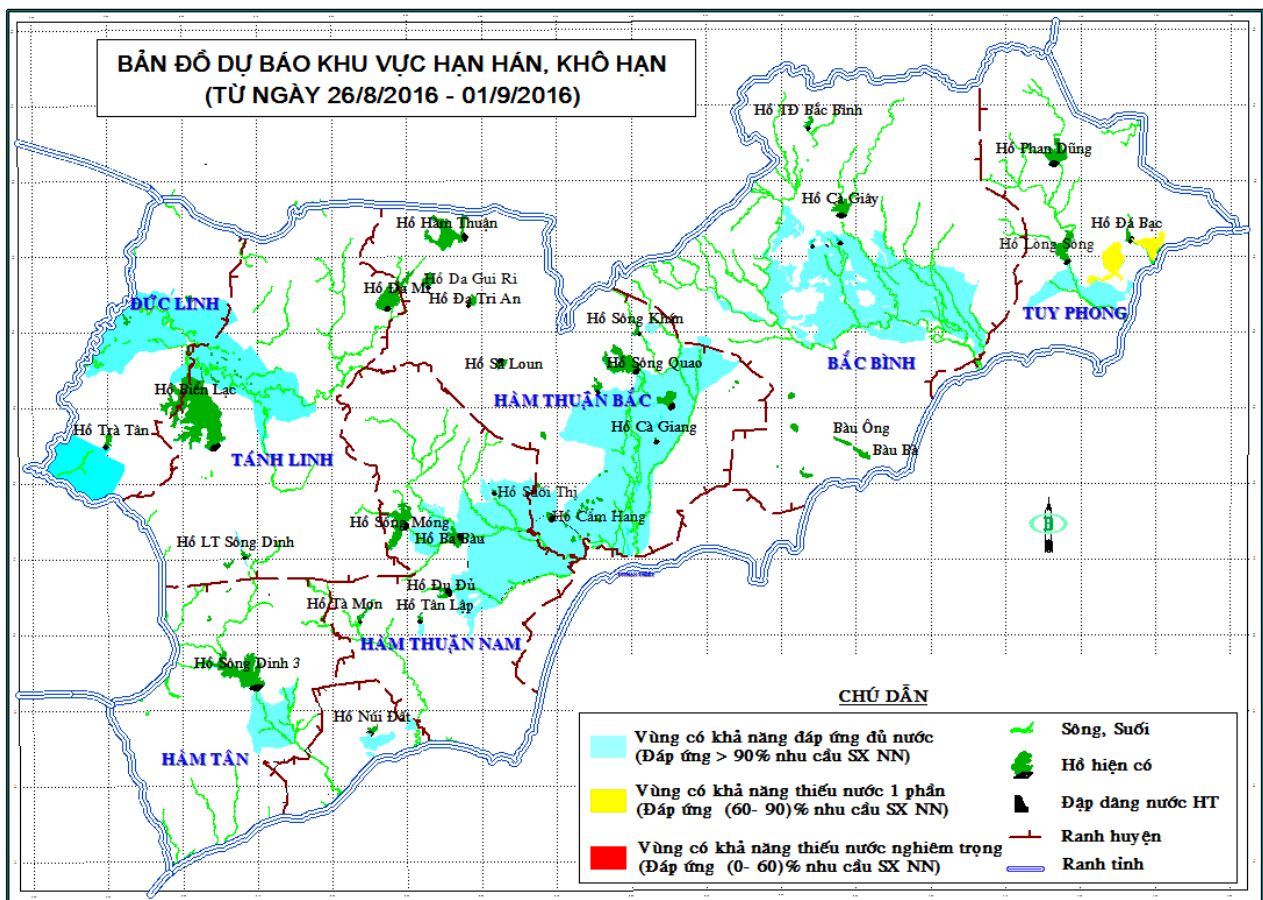
Trên cơ sở kết quả kiểm kê nguồn nước hiện có của hệ thống công trình thủy lợi tỉnh Bình Thuận, mưa đã xuất hiện trên diện rộng khắp toàn tỉnh tuy nhiên ngành nông nghiệp địa phương vẫn cần: Thường xuyên theo dõi lưu lượng nước xả của Thủy điện Đại Ninh và Hàm Thuận – Đa Mi; Tiếp tục cập nhật tình hình diễn biến mưa và nguồn nước các hồ để có kế hoạch chăm sóc tốt nhất cho cây trồng vụ Hè Thu.

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 01/09/2016 cho thấy tổng dung tích các hồ chứa trên địa bàn tỉnh tăng khoảng 120,22 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 55,51% so với dung tích thiết kế), do đó kiến nghị kế hoạch sử dụng nước tại một số hồ chứa thủy lợi trong tỉnh Bình Thuận đến ngày 01/09/2016 như sau:

- Hồ Lòng Sông có 24,58 triệu m<sup>3</sup>, hồ Phan Dũng có 7,72 triệu m<sup>3</sup>: nên có thể tận dụng nguồn nước có trong hồ và lượng nước mưa để cấp đủ nước tưới cho lúa, cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Đá Bạc 0,46 triệu m<sup>3</sup>: có thể nguồn nước chỉ đáp ứng được 85,04% diện tích sản xuất nông nghiệp (thiếu nước khoảng 18ha lúa);



- Hồ Cà Giây có 17 triệu m<sup>3</sup>: có thể tận dụng nguồn nước thủy điện Đại Ninh, lượng nước trữ trong hồ để cấp đủ nước cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Sông Quao có 34,7 triệu m<sup>3</sup>: có thể tận dụng nguồn nước có trong hồ và lượng nước mưa để cấp đủ nước tưới cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ Sông Móng có 13,93 triệu m<sup>3</sup>, đập Ba Bàu có 2,05 triệu m<sup>3</sup>, hồ Tà Mon có 0,37 triệu m<sup>3</sup>, hồ Đu Đủ có 1,45 triệu m<sup>3</sup>, hồ Tân Lập có 1,04 triệu m<sup>3</sup>, Hồ Núi Đất có 6,72 triệu m<sup>3</sup>, nên có thể tận dụng nguồn nước trong hồ và lượng nước mưa để cấp đủ nước cho lúa, cây trồng vụ Hè Thu;
- Hồ sông Dinh 3 có 3,87 triệu m<sup>3</sup>: có thể tận dụng nước mưa và nước hồ để cấp đủ nước sinh hoạt cho Thị xã La Gi, cấp nước tưới cho lúa và cây trồng vụ Hè Thu;
- Nguồn nước tại Đập Tà Pao (sau nhà máy thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi) cấp đủ nước sản xuất vụ Hè Thu theo kế hoạch 2016.



Hình 5: Bản đồ dự báo một số vùng/khu vực có khả năng thiếu nước một phần từ ngày 26/08/2016 đến ngày 01/09/2016

**Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, 25/08/2016**

(**Lưu ý:** Để phục vụ kịp thời cho sản xuất ứng phó chủ động với tình hình hạn hán, kính đề nghị địa phương, các đơn vị sử dụng nếu có ý kiến, đề nghị phản hồi lại Tổng cục Thủy lợi để cập nhật trong các bản tin tiếp theo).

Bản tin này cũng được đăng trên địa chỉ Website : <http://www.siwrr.org.vn> . Các thông tin về tình hình hạn hán, sản xuất và những yêu cầu cấp thiết khác xin gửi về Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam qua địa chỉ email: [vkhtlmn@gmail.com](mailto:vkhtlmn@gmail.com) và [tncnbvmt@gmail.com](mailto:tncnbvmt@gmail.com) ./.